

Số: 06/2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Xét Tờ trình số 430/TTr-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-KTNS ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) về việc phân định các nhiệm vụ chi

về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường;
quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài
nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 06/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

2. Các nguồn kinh phí khác quy định về các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường (như nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, kinh phí sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này;

3. Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 3. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp tỉnh

1. Quản lý đất đai

a) Điều tra, đánh giá đất đai của tỉnh theo định kỳ và theo chuyên đề;

b) Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính;

c) Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh;

d) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

đ) Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, xác định giá đất cụ thể; lập bản đồ giá đất;

e) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai;

g) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Đo đạc và bản đồ

a) Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý: Thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

b) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính.

3. Địa chất và khoáng sản

a) Khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền;

b) Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản.

4. Tài nguyên nước

a) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh;

b) Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn;

c) Hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước;

d) Xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi quản lý;

đ) Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh; xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp;

e) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước.

5. Biển và Hải đảo

a) Điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo thuộc phạm vi quản lý;

b) Các nhiệm vụ, dự án, đề án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền, có tính chất chỉ từ nguồn kinh phí hoạt động kinh tế;

c) Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do tỉnh quản lý;

đ) Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của tỉnh;

e) Thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của tỉnh;

g) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo của tỉnh.

6. Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu

a) Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn; thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn;

b) Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai trên địa bàn;

c) Giám sát biến đổi khí hậu;

d) Xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu.

7. Viễn thám

Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám (nếu có).

8. Đa dạng sinh học

Nhiệm vụ chỉ hoạt động kinh tế về đa dạng sinh học của tỉnh Gia Lai theo Khoản 2, Điều 4, Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

9. Các nhiệm vụ chi khác

a) Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch về tài nguyên môi trường; thống kê các chỉ tiêu tài nguyên môi trường (không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường chi từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường);

c) Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ chi khác (nếu có) thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

d) Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành, nội dung có tính chất chi thường xuyên từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế (nếu có);

đ) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn

nghiệp vụ về tài nguyên môi trường theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động, kinh tế;

e) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi thường xuyên từ nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);

g) Sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chi hoạt động kinh tế (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định);

h) Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ chi khác (nếu có).

Điều 4. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp xã

1. Quản lý đất đai

a) Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính cấp xã;

b) Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã;

c) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã;

d) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai;

đ) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai cấp xã;

e) Điều tra thu thập thông tin xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất, xác định giá đất cụ thể.

2. Đo đạc và bản đồ

a) Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý: Thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính cấp xã, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

b) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính.

3. Địa chất khoáng sản

a) Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn;

b) Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản.

4. Tài nguyên nước

a) Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước trên địa bàn;

b) Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

5. Biển và Hải đảo

a) Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do cấp xã quản lý;

b) Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên địa bàn;

c) Quản lý hành lang bảo vệ bờ biển cấp xã.

6. Giám sát biến đổi khí hậu

7. Các nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế khác về tài nguyên và môi trường theo quy định hiện hành.

Điều 5. Mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường

Mức chi cụ thể theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 6. Tỷ lệ chi phí quản lý chung đối với nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Tỷ lệ chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ, dự án chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này./.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quy định Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai)

Phụ lục I

MỨC CHI NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
1	Chi lập đề cương nhiệm vụ, dự án			
1.1	Lập đề cương nhiệm vụ	nhiệm vụ	1.500	
1.2	Lập đề cương dự án	dự án		
	Dự án có giá trị < 500 triệu đồng		2.000	
	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng		3.000	
	Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng		3.500	
2	Hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ, dự án	Buổi họp		Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	350	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	200	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	Theo quy chế của cấp có thẩm quyền quy định có nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện và ủy viên hội đồng mới được tính
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	200	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	350	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	300	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	30	
	- Tổ chức	Phiếu	70	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài theo vụ việc nếu có)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án	Báo cáo		
5.1	Nhiệm vụ		3.500	
5.2	Dự án			
	<i>Dự án có giá trị < 500 triệu đồng</i>		4.000	
	<i>Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng</i>		9.000	
	<i>Dự án có giá trị trên 2.000 triệu đồng</i>		11.000	
6	Hội thảo (nếu có)			
	Người chủ trì	người/buổi	350	
	Thư ký hội thảo		200	
	Đại biểu được mời tham dự	hội thảo	100	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	250	
7	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, dự án			
	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
7.1	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	300	
	Thành viên, thư ký		150	
7.2	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký hội đồng		300	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	350	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	300	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	100	

Phụ lục II
TỶ LỆ CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG TRONG DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI VỚI CÁC NHIỆM VỤ
CHI VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án, chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí trực tiếp, quy định cho từng nhóm công việc như sau:

Nhóm công việc	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật)	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc không có định mức kinh tế kỹ thuật)
1. Ngoại nghiệp		
Nhóm I	20%	16%
Nhóm II	18%	13%
Nhóm III	14%	11%
2. Nội nghiệp (Nhóm I, II, III)	11%	8%

Trong đó:

* Ngoại nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện ở thực địa.

* Nội nghiệp: gồm toàn bộ các công việc thực hiện trong phòng làm việc.

* Các nhóm công việc của nhiệm vụ, dự án: theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên, thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có): được tính chi phí quản lý chung 18 triệu đồng/năm/nhiệm vụ, dự án, đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp đến 5 tỷ đồng; trường hợp nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp lớn hơn 5 tỷ đồng thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm./.